TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70107	Nhập môn AI*	1	15	15	0
TN70020	Hiểu biết về DNTU*	1	15	15	0
DP70001	Nhập môn ngành Đông phương học	1	15	15	0
DP70003	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	30	0
CB70303	KN nói trước công chúng	1	15	15	0
DP70005	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	30	30	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70101	Ngữ pháp tiếng Nhật 1	2	30	30	0
DP70107	Nghe - Nói tiếng Nhật 1	3	45	45	0
DP70113	Đọc - Viết tiếng Nhật 1	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70201	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	2	30	30	0
DP70207	Nghe - Nói tiếng Hàn 1	3	45	45	0
DP70213	Đọc - Viết tiếng Hàn 1	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
DP71119	Địa lí và dân cư Nhật Bản	2	30	30	0
DP71219	Địa lí và dân cư Hàn Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	KN quản lý cảm xúc	1	15	15	0

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70204	Logic	2	30	30	0
DP70002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0
CB70401	Bơi lội*	1	30	0	30
TA71305	Intensive English 1*	4	60	60	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70102	Ngữ pháp tiếng Nhật 2	2	30	30	0
DP70108	Nghe - Nói tiếng Nhật 2	3	45	45	0
DP70114	Đọc - Viết tiếng Nhật 2	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70202	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	2	30	30	0
DP70208	Nghe - Nói tiếng Hàn 2	3	45	45	0
DP70214	Đọc - Viết tiếng Hàn 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
DP71121	Dân tộc và văn hóa Nhật Bản	2	30	30	0
DP71221	Dân tộc và văn hóa Hàn Quốc	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
	Chọn 2 trong 8 học phần				
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	KN Giao tiếp & XD mối quan hệ	2	30	30	0

CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	30	0
DP70006	Xã hội học	2	30	30	0
TA71306	Intensive English 2*	4	60	60	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70103	Ngữ pháp tiếng Nhật 3	2	30	30	0
DP70109	Nghe - Nói tiếng Nhật 3	3	45	45	0
DP70115	Đọc - Viết tiếng Nhật 3	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70203	Ngữ pháp tiếng Hàn 3	2	30	30	0
DP70209	Nghe - Nói tiếng Hàn 3	3	45	45	0
DP70215	Đọc - Viết tiếng Hàn 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
DP71004	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	KN đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70104	Ngữ pháp tiếng Nhật 4	2	30	30	0
DP70110	Nghe - Nói tiếng Nhật 4	3	45	45	0
DP70116	Đọc - Viết tiếng Nhật 4	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70204	Ngữ pháp tiếng Hàn 4	2	30	30	0
DP70210	Nghe - Nói tiếng Hàn 4	3	45	45	0
DP70216	Đọc - Viết tiếng Hàn 4	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền	2	30	30	0

CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 4)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70105	Ngữ pháp tiếng Nhật 5	2	30	30	0
DP70111	Nghe - Nói tiếng Nhật 5	3	45	45	0
DP70117	Đọc - Viết tiếng Nhật 5	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70205	Ngữ pháp tiếng Hàn 5	2	30	30	0
DP70211	Nghe - Nói tiếng Hàn 5	3	45	45	0
DP70217	Đọc - Viết tiếng Hàn 5	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		**4**			
DP71122	Kinh tế Nhật Bản	2	30	30	0
DP71222	Kinh tế Hàn Quốc	2	30	30	0
DP71135	Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản	2	30	30	0
DP71235	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 4)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
DP70010	Quan hệ quốc tế	3	30	30	0
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70106	Ngữ pháp tiếng Nhật 6	2	30	30	0
DP70112	Nghe - Nói tiếng Nhật 6	3	45	45	0
DP70118	Đọc - Viết tiếng Nhật 6	3	45	45	0
DP70127	Tiếng Nhật thương mại	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70206	Ngữ pháp tiếng Hàn 6	2	30	30	0
DP70212	Nghe - Nói tiếng Hàn 6	3	45	45	0
DP70218	Đọc - Viết tiếng Hàn 6	3	45	45	0
DP70227	Tiếng Hàn thương mại	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		**4**			
DP71136	Tiếng Nhật thư tín và hợp đồng thương mại	2	30	30	0
DP71236	Tiếng Hàn thư tín và hợp đồng thương mại	2	30	30	0

DP71137	Tiếng Nhật du lịch – nhà hàng – khách sạn	2	30	30	0
DP71237	Tiếng Hàn du lịch – nhà hàng – khách sạn	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: : 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP70011	Thực tập tốt nghiệp Nhật Bản học	4	180	0	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP70012	Thực tập tốt nghiệp Hàn Quốc học	4	180	0	0
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71138	Khóa luận tốt nghiệp Nhật Bản học	6	90	90	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71238	Khóa luận tốt nghiệp Hàn Quốc học	6	90	90	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71139	Chuyên đề tốt nghiệp Nhật Bản học	3	45	45	0
DP71126	Biên - Phiên dịch Việt - Nhật	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71239	Chuyên đề tốt nghiệp Hàn Quốc học	3	45	45	0
DP71226	Biên - Phiên dịch Việt - Hàn	3	45	45	0